

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo giấy rút dư toán số 07 + 08 ngày 05 tháng 2 năm 2021 và Ủy nhiệm chi số 17 + 18 ngày 05 tháng 2 năm 2021)
Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**
2. Mã đơn vị: **1048792**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:										Tiền học bổng	Ghi chú		
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ		Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác							Tiền khoán	
						Phụ cấp ưu đãi	PC hỗ trợ mầm non 25-35%			Chính sách ưu đãi GV/NV theo nghị quyết số 64/2017/QĐ-HĐND	Phụ cấp trách nhiệm	Chi lương đợt 1 cho NV HĐ trường	Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách	Tiền lễ chăm lo tết âm lịch từ quỹ phúc lợi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.4	9.5	9.5	9.6	10	11	12	
Tổng số				460.402.501	172.824.205	9.374.856	-	-	56.405.440	-	40.900.000	298.000	6.600.000	63.000.000	110.000.000	1.000.000	-	
I	Đối với công chức, viên chức:			400.427.645	172.824.205	-	-	56.405.440	-	40.900.000	298.000	-	51.000.000	78.000.000	1.000.000			
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	28.040.906	17.169.456			5.371.450					1.500.000	4.000.000				
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	16.442.187	8.334.687			2.607.500		-			1.500.000	4.000.000				
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	13.901.306	6.310.091			2.091.215		-			1.500.000	4.000.000				
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	15.749.186	8.102.116			2.597.070		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	13.716.671	6.481.586			2.185.085		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	12.425.178	5.466.488			1.908.690		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	12.257.366	5.366.471			1.840.895		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	12.163.218	5.272.323			1.840.895		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	11.760.203	4.973.608			1.736.595		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
10	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	10.181.013	3.738.608			1.392.405		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
11	Lê Thủy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	12.201.051	5.597.576			1.903.475		1.200.000			1.500.000	2.000.000				
12	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	11.824.894	5.033.084			1.741.810		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
13	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	11.430.354	4.988.544			1.741.810		1.200.000			1.500.000	2.000.000				
14	Phạm Thị Nguyễn Thủy	0109940965	NH Đông Á	10.886.493	4.606.348			1.580.145		1.200.000			1.500.000	2.000.000				
15	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	11.730.990	4.996.545			1.684.445		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
16	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	11.074.866	4.444.721			1.580.145		1.550.000			1.500.000	2.000.000				
17	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	10.684.461	4.404.316			1.580.145		1.200.000			1.500.000	2.000.000				
18	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	10.724.866	4.444.721			1.580.145		1.200.000			1.500.000	2.000.000				

Tổng số:																	
STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác						Tiền khoản	Tiền học bổng	Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng						Phụ cấp ưu đãi	PC hỗ trợ miễn non 25-35%	Chính sách thu bù GV/NV theo nghị quyết số 68/2017/QĐ-HĐND	Phụ cấp trách nhiệm	Chi lương đợt 1 cho NV HĐ trường	Tiền chăm lo tết âm lịch từ ngân sách			
19	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	10.035.917	3.917.437				1.418.480		1.200.000			1.500.000	2.000.000		
20	Nguyễn Thị Thuý Trang	0107817774	NH Đông Á	10.849.569	4.999.479				1.700.090		650.000			1.500.000	2.000.000		
21	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	10.385.917	3.917.437				1.418.480		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
22	Sư Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	10.385.917	3.917.437				1.418.480		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
23	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	9.681.363	3.374.548				1.256.815		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
24	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	11.885.574	5.587.574							298.000		1.500.000	4.000.000	500.000	
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	9.170.670	3.213.855				1.256.815		1.200.000			1.500.000	2.000.000		
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	9.170.670	3.213.855				1.256.815		1.200.000			1.500.000	2.000.000		
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đông Á	9.170.670	3.213.855				1.256.815		1.200.000			1.500.000	2.000.000		
28	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	12.551.051	5.597.576				1.903.475		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
29	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	12.425.178	5.466.488				1.908.690		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
30	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	11.671.388	4.884.793				1.736.595		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
31	Nguyễn Song Hà Ný	0110899069	NH Đông Á	8.500.393	2.480.403				969.990		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
32	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	8.500.393	2.480.403				969.990		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
33	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	8.500.393	2.480.403				969.990		1.550.000			1.500.000	2.000.000		
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	10.347.373	4.347.373									1.500.000	4.000.000	500.000	
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NB-CP)			36.874.856	-	9.374.856	-	-	-	-	-	-	-	7.500.000	20.000.000	-	-
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đông Á	7.300.292		1.800.292								1.500.000	4.000.000		
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đông Á	7.233.615		1.733.615								1.500.000	4.000.000		
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đông Á	7.553.667		2.053.667								1.500.000	4.000.000		
4	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đông Á	7.553.667		2.053.667								1.500.000	4.000.000		
5	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đông Á	7.233.615		1.733.615								1.500.000	4.000.000		
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			23.100.000	-	-	-	-	-	-	-	-	6.600.000	4.500.000	12.000.000	-	-
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0108209444	NH Đông Á	7.700.000									2.200.000	1.500.000	4.000.000		
2	Lê Thị Yên Trinh	0103641702	NH Đông Á	7.700.000									2.200.000	1.500.000	4.000.000		
3	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đông Á	7.700.000									2.200.000	1.500.000	4.000.000		

Tổng số tiền bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu bốn trăm lẻ hai ngàn năm trăm lẻ một đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

